TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2024/HC-PT
Ngày: 10/9/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 134/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9603/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Văn T, địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X1, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Đinh Hữu C, sinh năm 1993; địa chỉ: Số Y, đường L, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T1 và ông Bùi Xuân G – Luật sư của Công ty TNHH B1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã M1, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang H1 - Chủ tịch UBND thị xã M1, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khu đất nông nghiệp tại khu vực cánh đồng "*Dâm*", phường D, thị xã M1, tỉnh Hưng Yên (*Các thửa số 138, 140 tờ bản đồ số 10; thửa 185 tờ bản đồ số 11*) do UBND phường D quản lý. Để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp bãi rác D (Dự án) tại khu đất trên, UBND thị xã M1 đã thực hiện việc kiểm đếm tài sản, cây cối hoa màu và lập phương án hỗ trợ, bồi thường đối với từng hộ gia đình cá nhân bị thu hồi đất tại khu đất trên để thực hiện việc xây dựng dự án. Ngày 15/01/2020, UBND thị xã M1 ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo chủ trương trên; hộ gia đình ông Vũ Văn T có 124 cây bạch đàn đường kính gốc từ 20cm đến 40cm và được hỗ trợ số tiền 6.696.000 đồng.

Theo người khởi kiện ông Vũ Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của ông T là anh Đinh Hữu C trình bày:

Ngày 21/8/2008, ông Trần Văn N có đơn xin xác nhận 1.080m^2 đất trên là diện tích đất hoang hóa và được địa phương giao cho ông N quản lý sử dụng lâu dài. Ngày 01/6/2011, ông Phạm Quang H2 là Phó Chủ tịch UBND xã D đại diện cho UBND xã D xác nhận việc ông N chuyển quyền sử dụng 1.080m^2 đất nói trên cho ông (T). Sau khi nhận chuyển nhượng ông T đầu tư, cải tạo, vượt lập khoảng 2.000m^2 đất để trồng cây bạch đàn. Ông T không phải đóng thuế sử dụng diện tích đất này.

Ngày 15/01/2020, UBND thị xã M1 ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ, bồi thường do toàn bộ 1.080m^2 đất nông nghiệp trên của ông T thuộc diện bị thu hồi để thực hiện Dự án. UBND phường D đã mời hộ ông T nhận khoản tiền hỗ trợ cây cối hoa màu, nhưng hộ ông T không đồng ý và chưa nhận bất cứ khoản tiền nào liên quan đến việc thu hồi đất.

Ông Vũ Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Hủy một phần Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND thị xã M1, tỉnh Hưng Yên.

Yêu cầu UBND thị xã M1 bồi thường trả gia đình ông T giá trị tài sản như sau: giá trị diện tích đất thu hồi số tiền 97.000.000đ; giá trị tài sản vượt lập số tiền 100.000.000đ; giá trị cây cối hoa màu trên đất theo đơn giá tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên số tiền 44.640.000đ; chi phí đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số tiền 291.600.000đ; tổng cộng: 533.240.000đ *(Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).*

Theo người bị kiện UBND thị xã M1 trình bày: UBND thị xã M1 đã thu hồi diện tích đất công ích thuộc sự quản lý của UBND xã M1 do hộ ông Vũ Văn T đang sử dụng trồng cây cối, hoa màu để thực hiện việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp bãi rác D. UBND thị xã M1 đã lập phương án hỗ trợ bồi thường giá trị cây cối, hoa màu đối với từng hộ gia đình đang sử dụng diện tích đất bị thu hồi đất,

trong đó có hộ ông T. Đối với việc hỗ trợ giá trị cây cối, hoa màu trên diện tích đất các hộ gia đình bị thu hồi được thực hiện theo đúng pháp luật. Quyết định thu hồi đất và phương án hỗ trợ bồi thường được thực hiện đối với toàn bộ các hộ gia đình có đất bị thu hồi chứ không riêng cá nhân hộ ông T. Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 691 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 1, Điều 5 Luật đất đai năm 1987; Điều 6 Luật đất đai năm 1993; khoản 4, điều 34; khoản 4, điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, điều 31; khoản 4, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 14 Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và Nghị định số 64/CP ngày 23 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ; tiểu mục 4, mục II của Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc "*Giải đáp một số vấn đề về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự*". Tuyên xử: Bác yêu cầu của ông Vũ Văn T về việc ***"****Khiếu kiện hủy một phần Quyết định thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và cây cối hoa màu".*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2023, người khởi kiện là ông Vũ Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đinh Hữu C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Vũ Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có kháng cáo, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/8/2021, ông Vũ Văn T khởi kiện và khởi kiện bổ sung đề nghị hủy một phần quyết định thu hồi đất và Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND thị xã M1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại phường D, thị xã M1 đối với diện tích 1.080m^2 đất; buộc UBND thị xã M1 phải giao quyết định thu hồi đất và Quyết định số 228/QĐ-UBND; buộc UBND thị xã M1 bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và cây cối hoa màu với tổng số tiền 533.240.000 đồng. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Thực hiện Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 v/v phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp bãi rác D; Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 v/v phê duyệt điều chỉnh Dự án; Thông báo số 126/TB-UBND ngày 27/7/2016 về việc thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án; Thông báo số 03/TB-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên v/v thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án; ngày 22/02/2017, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBND v/v thu hồi 23.394m^2 đất gồm: 20.867m^2 đất chuyên trồng lúa, 20m^2 đất giao thông, 2.507m^2 đất thủy lợi thuộc địa phận xã D do UBND xã D quản lý tại các thửa số 134,135,138,139,140,200 thuộc tờ bản đồ địa chính số 10 và thửa số 185 thuộc tờ bản đồ số 11, tỷ lệ 1/2000. Tại Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND thị xã M1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại phường D, thị xã M1; trong đó hộ ông T được hỗ trợ cây cối trồng trên đất công ích với số tiền 6.696.000 đồng.

Ông T cho rằng diện tích 1.080m^2 đất nông nghiệp tại khu vực cánh đồng Dâm, cuối dây, giáp cống T6, phường D có nguồn gốc là của ông Trần Văn G1 khai hoang. Từ năm 1990, ông G1 (cha của ông Trần Văn N) đã được UBND xã D giao, sử dụng và bảo vệ ruộng diện tích 1.080m^2. Sau khi ông G1 mất, ông N đã có đơn xin xác nhận diện tích giao quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.080m^2 đất nông nghiệp để sử dụng quản lý lâu dài và ổn định được UBND xã D xác nhận ngày 21/9/2008. Năm 2011, ông N chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông T; việc chuyển nhượng có xác nhận của UBND xã D. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông T đã đầu tư, cải tạo đất, đổ đất sử dụng trồng cây; quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông T không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Gia đình ông T là chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp diện tích 1.080m^2 đất, không phải là đất do UBND phường D quản lý. Do đó, gia đình ông T đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1.080m^2 đất.

Theo các tài liệu thể hiện diện tích đất hộ gia đình ông T bị thu hồi do UBND xã, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp D và cơ sở thôn R, xã D quản lý. Khoảng những năm 1990 đến năm 2002, ông Trần Văn G1 ở thôn X2, xã T2, huyện Y1 tự ra trồng lúa nước. Ông G1 không thuê thầu diện tích đất nêu trên, cũng như ông G1 không đóng lợi tức hay tiền thuê thầu hay đóng góp nghĩa vụ về thuế khi sử dụng. Hiện tại UBND phường D vẫn đang trực tiếp quản lý diện tích đất này.

Việc ông T cho rằng ngày 21/8/2008, ông N có đơn xin xác nhận 1.080m^2 đất là diện tích đất hoang hóa và được địa phương giao cho ông N quản lý, sử dụng lâu dài và ngày 01/6/2011, ông Phạm Quang H2 là Phó Chủ tịch UBND xã D đại diện cho UBND xã D xác nhận việc ông N chuyển quyền sử dụng 1.080m^2 đất nói trên cho ông T để làm căn cứ xác lập quyền sử dụng của ông T đối với diện tích đất trên, nên gia đình ông T là chủ sử dụng đất hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Phạm Quang H2 không phải là người có thẩm quyền để chứng thực hợp đồng hay giao 1.080m^2 đất cho ông N theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự; nên không đủ căn cứ để xác định gia đình ông T là chủ sử dụng hợp pháp 1.080m^2 đất tại khu vực cánh đồng "*Dâm*", phường D, thị

xã M1, tỉnh Hưng Yên (*Các thửa số 138, 140, tờ bản đồ số 10; thửa 185, tờ bản đồ số 11*).

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của khởi kiện của ông T về việc hủy một phần quyết định thu hồi đất và quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và cây cối hoa màu là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn T, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí*:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000341 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường **Nguyễn Tiến Dũng**

Lê Thị Thúy Bình